

Số: 50/KH-SNNPTNT

An Giang, ngày 05 tháng 04 năm 2024

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số ngành nông nghiệp tỉnh An Giang năm 2024

Căn cứ Quyết định số 877/QĐ-BNN-CĐS ngày 29/03/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Kế hoạch chuyển đổi số của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2022 của Ban Thường vụ tỉnh ủy An Giang về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Chương trình số 553/CTr-UBND ngày 9/9/2021 của UBND tỉnh An Giang về việc Chuyển đổi số tỉnh An Giang giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 22/03/2019 của UBND tỉnh An Giang phê duyệt khung Đề án “An Giang điện tử” giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2989/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh An Giang về Ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025 tỉnh An Giang.

Căn cứ Quyết định số 3126/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh An Giang Ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh An Giang, phiên bản 2.0;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03/01/2023 của UBND tỉnh An Giang về Ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ Chuyển đổi số của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Kế hoạch số 1245/KH-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh An Giang về việc Ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024;

Căn cứ Kế hoạch số 243/KH-UBND ngày 14/03/2024 của UBND tỉnh An Giang về Nâng cao chỉ số chuyển đổi số tỉnh An Giang năm 2024;

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số ngành nông nghiệp tỉnh An Giang năm 2024 như sau:

I. MỤC TIÊU

Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024 và các Kế hoạch về thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Tăng cường nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức viên chức ngành nông nghiệp và người dân, doanh nghiệp, sản xuất kinh doanh nông nghiệp.

Theo dõi, đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện chuyển đổi số dựa trên Bộ chỉ số mức độ chuyển đổi số của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang (Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03/01/2023 của UBND tỉnh An Giang).

Tăng cường ứng dụng các công nghệ, mô hình chuyển đổi số vào các lĩnh vực nông nghiệp.

100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử.

80% lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng tập huấn kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu để ra quyết định và hoạch định chính sách; kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn thông tin.

50% hồ sơ giải quyết trực tuyến.

90% hồ sơ công việc tại cơ quan được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

Thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung của tỉnh.

Tìm kiếm những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, của doanh nghiệp, của người dân trên địa bàn để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng. Có ít nhất 01 sáng kiến, mô hình hay về chuyển đổi số thuộc ngành nông nghiệp.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhận thức số

Tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng số; kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu; sử dụng nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ số cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc ngành nông nghiệp.

Chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức các cấp tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác. Việc tham gia chỉ đơn giản bằng cách sử dụng Zalo và thực hiện quét mã QR.

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, chia sẻ kinh nghiệm về các nội dung, mô hình chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương; chủ động thí điểm triển khai sáng kiến mới tại địa phương, có khả năng nhân rộng trên toàn quốc, đặc biệt là các sáng kiến liên quan đến dữ liệu số.

Triển khai kế hoạch hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023 (ngày 10/10); Kế hoạch hưởng ứng và phổ biến Tháng 10 - Tháng Tiêu dùng số.

Xây dựng chuyên mục Chuyển đổi số trên Website của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ và người dân về chuyển đổi số ngành nông nghiệp).

Người đứng đầu tại mỗi đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp về nội dung và chất lượng nhiệm vụ CDS gắn với ứng dụng công nghệ với mục tiêu CDS.

2. Thể chế số

Rà soát, triển khai các văn bản quy phạm pháp luật các cơ chế chính sách để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong quá trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

3. Hạ tầng số, dữ liệu số, nền tảng số

Phối hợp với VNPT An Giang triển khai thực hiện và đưa vào thử nghiệm hệ thống dữ liệu ngành nông nghiệp và nông thôn trong năm 2023. Kết nối cơ sở dữ liệu dùng chung và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các đơn vị trên địa bàn tỉnh An Giang.

Nâng cấp, hoàn thiện xây dựng mới các cơ sở dữ liệu chuyên ngành quan trọng hình thành các hệ thống thông tin.

Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 831/KH-UBND ngày 07/12/2022 của UBND tỉnh An Giang về thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Các nền tảng số phổ biến đang được ứng dụng như: Nền tảng bản đồ số; Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; Nền tảng họp trực tuyến; Nền tảng hóa đơn điện tử; Nền tảng sàn thương mại điện tử; Nền tảng trung tâm giám sát điều hành thông minh và các nền tảng công nghệ hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh.

4. Nhân lực số

Phối hợp triển khai thực hiện Kế hoạch số 616/KH-UBND ngày 30/9/2022 triển khai Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh An Giang.

Lồng ghép, thực hiện các nội dung đào tạo, tuyên truyền nhận thức về kiến thức, kỹ năng số vào chương trình phát triển nguồn nhân lực ngành nông nghiệp hàng năm.

5. An toàn thông tin mạng

Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông hoàn thành phân loại, xác định, phê duyệt đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ các hệ thống thông tin đang vận hành trước tháng 6 năm 2024.

Đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ về trang thiết bị, giải pháp kỹ thuật, nhân lực vận hành an toàn thông tin và phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu.

Trên cơ sở hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức triển khai đầy đủ các nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng; hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi, định kỳ theo quy định; hệ thống thông tin được quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 7/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

Phối hợp triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.

Tham gia tập huấn, diễn tập về an toàn thông tin mạng theo kế hoạch.

6. Hoạt động chính quyền số

Đẩy mạnh quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

Lồng ghép các chương trình nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số cho cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan.

Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và công tác chuyên môn của ngành luôn được thực hiện qua môi trường mạng

7. Kinh tế số

Phối hợp Sở Công thương; Sở Thông tin và Truyền thông; tổ chức triển khai hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh. Trong đó, duy trì 90% sản phẩm thuộc chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) có mặt sàn thương mại điện tử (theo Kế hoạch số 1245/KH-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh An Giang).

Phát triển nền tảng truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hỗ trợ các sản phẩm tham gia thương mại điện tử, quản lý chuỗi giá trị, xuất khẩu.

Phát triển các mô hình nông nghiệp thông minh, ứng dụng công nghệ số trong sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn cho các doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân thông qua các chương trình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chương trình xây dựng nông thôn mới.

Triển khai các nhiệm vụ khác trên cơ sở phối hợp thực hiện với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở ngành tỉnh gắn với mục tiêu, nhiệm vụ,

chương trình công tác hàng năm của từng đơn vị liên quan các lĩnh vực: cấp mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc; dữ liệu về hợp tác xã nông nghiệp, cơ sở dữ liệu về thủy lợi, nước sạch nông thôn, dữ liệu kế hoạch xây dựng nông thôn mới, quản lý sản phẩm OCCOP...

Mô hình nông nghiệp chuyển đổi số: Chủ động tìm kiếm các đơn vị, các đối tác chuyên ngành về lĩnh vực chuyển đổi số để xây dựng các ứng dụng trên nền tảng trí tuệ nhân tạo, tương thích đa phương tiện giúp người nông dân, HTX quản lý cây trồng, các khâu sản xuất, phòng chống dịch bệnh, liên kết tiêu thụ nông sản... góp phần nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ thông tin trong và ngoài tỉnh triển khai các chương trình, dự án, đề án ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp.

III. DANH MỤC CỤ THỂ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH NÔNG NGHIỆP NĂM 2024

(Phụ lục danh mục nhiệm vụ kèm theo).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp và phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị thuộc sở chủ động cân đối, lồng ghép trong kinh phí chi thường xuyên, các Chương trình, Dự án và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị tổ chức, triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung Kế hoạch CDS ngành nông nghiệp năm 2024. Theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch CDS ngành nông nghiệp. Sơ kết, tổng kết báo cáo về Ban chỉ đạo CDS của tỉnh. Triển khai kịp thời các chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh về CDS ngành nông nghiệp.

1. Phòng Khoa học, Công nghệ và Môi trường: tổng hợp tình hình ứng dụng CDS trong ngành nông nghiệp; tham mưu, tư vấn việc cập nhật ứng dụng các công nghệ mới phục vụ lĩnh vực CDS ngành nông nghiệp của tỉnh.

2. Phòng Kế hoạch Tài chính: sắp xếp bố trí các nguồn kinh phí theo nội dung thực hiện Kế hoạch trên cơ sở các quy định hiện hành.

3. Các đơn vị trực thuộc Sở: xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện các nội dung thuộc lĩnh vực được phân công đảm bảo mục tiêu, tiến độ kế hoạch được duyệt. Xây dựng, đặt hàng chủ đề ứng dụng CDS phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và phù hợp yêu cầu thực tiễn. Thực hiện tốt chế độ báo cáo theo quy định.

4. Các Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng Kinh tế huyện, thị, thành phố: căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp thực hiện tốt các nhiệm vụ của Kế hoạch. Cụ thể hóa thành các đề án, dự án, công việc có thời gian thực hiện, hoàn thành và kết quả đầu ra; tổ chức triển khai các biện pháp phù hợp để góp phần nâng cao chất lượng việc ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong phạm vi tổ chức của mình.

Các đơn vị tổ chức quán triệt trong toàn thể công chức, viên chức, người lao động tại đơn vị; phối hợp tuyên truyền, phổ biến đến người dân/doanh nghiệp về Kế hoạch CĐS. Phát huy tinh thần chủ động học tập, thường xuyên trau dồi phẩm chất, năng lực và nâng chất trong đội ngũ công chức, viên chức, người lao động. Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo quyền lợi của cán bộ quản lý, nông dân/doanh nghiệp khi tham gia thực hiện Kế hoạch. Tiếp tục hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn thông tin tiến tới phát triển nền tảng số trên cơ sở lồng ghép các nguồn lực khác nhau trong thực hiện nhiệm vụ.

Trong quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc các đơn vị báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thông qua Phòng Khoa học, Công nghệ và Môi trường làm đầu mối) tổng hợp, tham mưu Lãnh đạo Sở giải quyết và xử lý kịp thời./.

Nơi nhận:

- Sở Thông tin và Truyền thông;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng/đơn vị trực thuộc Sở;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- Quỹ Phòng chống Thiên tai và TKCN;
- Phòng NN&PTNT/Phòng KT huyện, thị, TP;
- Lưu: VT, KHCNMT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Tôn Thất Thịnh

PHỤ LỤC**Phân công thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số ngành nông nghiệp năm 2024***(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 50/KH-SNNPTNT ngày 05 tháng 04 năm 2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

STT	TÊN NHIỆM VỤ/DỰ ÁN	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN
I	Truyền truyền, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực			
1	- Tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng số; kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu; sử dụng nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ số cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc ngành nông nghiệp và nông dân, doanh nghiệp, HTX trên địa bàn tỉnh. - Tham gia các diễn đàn, hội nghị, hội thảo, các sự kiện, triển lãm về công nghệ số. Tham gia ngày Chuyển đổi số quốc gia (ngày 10/10). Thực hiện rà soát, tổng hợp đánh giá chỉ số DTI (Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03/01/2023 của UBND tỉnh An Giang).	Văn phòng Sở	Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, các đơn vị trực thuộc, các Phòng NNPTNT/Phòng KT	Quý II,III, IV
2	Tiếp tục cập nhật và nâng cấp chuyên mục Chuyển đổi số trên Website của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Trung tâm Khuyến nông	Văn phòng Sở; Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường; các đơn vị trực thuộc	Cả năm
II	Thực hiện chính quyền số, quản lý số, ứng dụng công nghệ số			
1	Tiếp tục cập nhật dịch vụ công trực tuyến, mức độ hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính của người dân và doanh nghiệp.	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở Các đơn vị liên quan	Cả năm
2	Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và công tác chuyên môn của ngành luôn được thực hiện qua môi trường mạng.	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Các đơn vị liên quan	Cả năm

STT	TÊN NHIỆM VỤ/DỰ ÁN	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN
3	Ứng dụng công nghệ số vào Tổ Khuyến nông cộng đồng (thông qua phối hợp với Tổ Công nghệ số cộng đồng của tỉnh).	Trung tâm Khuyến nông	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chi cục Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan	Cả năm
4	Xây dựng vận hành thử nghiệm cơ sở dữ liệu ngành Nông nghiệp (theo Chương trình số 553/CTr-UBND của UBND tỉnh). Gồm 9 phân hệ:	Phòng Khoa học, Công nghệ và Môi trường	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở có liên quan	Quý I,II,III
	- Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Các đơn vị liên quan	
	- Chăn nuôi và Thú y;	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Các đơn vị liên quan	
	- Thủy sản;	Chi cục Thủy sản	Các đơn vị liên quan	
	- Lâm nghiệp;	Chi cục Kiểm lâm nghiệp	Ban Quản lý phòng hộ và Đặc dụng và các đơn vị liên quan	
	- Phát triển nông thôn;	Chi cục Phát triển nông thôn	Văn phòng Điều phối NTM và các đơn vị liên quan	
	- Thủy lợi;	Chi cục Thủy lợi	Trung tâm NSVSMTNT và các đơn vị liên quan	
	- Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản;	Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	Chi cục TTBVTV, Chi cục CNTY, Chi cục Thủy sản và các đơn vị liên quan	
	- Khuyến nông; Giống Nông nghiệp;	Trung tâm Khuyến nông	Các đơn vị liên quan	

STT	TÊN NHIỆM VỤ/DỰ ÁN	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN
	- Xây dựng Nông thôn mới.	Văn phòng Điều phối NTM	Phòng NNPTNT/Phòng KT và các đơn vị liên quan	
5	Tổ chức hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.	Trung tâm Khuyến nông	- Các phòng, đơn vị trực thuộc; các Phòng NNPTNT/Phòng KT và các đơn vị liên quan	Cả năm
6	- Tổ chức triển khai Kế hoạch Chuyển đổi số ngành nông nghiệp.	Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường	- Các phòng, đơn vị trực thuộc; các Phòng NNPTNT/Phòng KT và các đơn vị liên quan.	Cả năm
	- Phát triển các mô hình nông nghiệp thông minh, ứng dụng công nghệ số trong sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn cho các doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân thông qua các chương trình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chương trình xây dựng nông thôn mới.		Văn phòng Điều phối NTM, các Phòng NNPTNT/Phòng KT và các đơn vị liên quan	
7	Xây dựng phần mềm di động quản lý các cá nhân, tổ chức kinh doanh phân bón và thuốc BVTV trên địa bàn tỉnh An Giang.	Chi Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Các đơn vị trực thuộc, các đơn vị liên quan	Cả năm
8	Duy trì, cập nhật hệ thống Cơ sở dữ liệu cơ bản ngành thủy lợi; cơ sở dữ liệu quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi; cơ sở dữ liệu nước sạch nông thôn.	Chi Cục Thủy lợi	Phòng Quản lý công trình, các đơn vị liên quan	Cả năm
9	Triển khai áp dụng Phần mềm hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu chăn nuôi.	Chi Cục Chăn nuôi và Thú y	Các đơn vị liên quan	Cả năm
10	Triển khai Kế hoạch Chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 - 2025.	Văn phòng Điều phối nông thôn mới	Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan	Cả năm

STT	TÊN NHIỆM VỤ/DỰ ÁN	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN
11	Xây dựng hệ thống quản lý có sở dữ liệu về hồ sơ đề nghị công nhận nông thôn mới; hệ thống báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện; xây dựng không gian số giới thiệu về xây dựng nông thôn mới tỉnh An Giang; nâng cấp Cổng thông tin điện tử Nông thôn mới tỉnh An Giang phục vụ công tác truyền thông, tuyên truyền, quản lý và điều hành về Chương trình.	Văn phòng Điều phối nông thôn mới	Các đơn vị trực thuộc, Phòng NNPTNT/Phòng KT và các đơn vị liên quan	Quý II
12	Xây dựng và thuê hệ thống về “Hệ thống đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP và Quản lý, giới thiệu sản phẩm đạt chứng nhận Sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh An Giang”	Văn phòng Điều phối nông thôn mới	Các đơn vị trực thuộc, Phòng NNPTNT/Phòng KT và các đơn vị liên quan	Quý II
13	Ứng dụng công nghệ số trong quản lý ATTP, truy xuất nguồn gốc	Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	Chi cục TTBVTV, Chi cục CNTY, Chi cục Thủy sản và các đơn vị liên quan	Cả năm
14	Ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành hệ thống nước sạch nông thôn	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Chi cục Thủy lợi và các đơn vị liên quan	Cả năm
15	Ứng dụng công nghệ số trong quản lý rừng	Chi cục Kiểm Lâm	Ban Quản lý phòng hộ và Đặc dụng và các đơn vị liên quan	Cả năm